

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 192/2021/DSPT
Ngày: 25-10-2021
V/v tranh chấp yêu cầu
tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu
và hủy Quyết định hành chính cá biệt.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường.**

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Văn Tiến.**

Ông **Nguyễn Tấn Trường.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Văn Phong** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Bà **Bùi Thị Dung** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 25-10-2021 tại trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 156/2018/TLPT-DS ngày 04-7-2018 về tranh chấp “Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu và hủy quyết định hành chính cá biệt”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 10-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 184/2021/QĐ-PT ngày 04-10-2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Ngô Đình C**; địa chỉ cư trú: Bciahnhofstr.36, 08412 Werdau, BRD - Germany (Cộng hòa liên bang Đức), vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Luật sư **Trần Đức A** - Văn phòng Luật sư T; địa chỉ văn phòng: Số 117 B đường H, thành phố Đ, tỉnh Quảng Trị (Văn bản ủy quyền ngày 27-7-2017), có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Ông Ngô Anh H1; địa chỉ cư trú: Số 17 đường L2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Ông Ngô Lê L; địa chỉ cư trú: Tổ 1, phường G, quận L1, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:

Luật gia, PGS.TS **Nguyễn Duy Ph;** địa chỉ cư trú: Tổ 1, phường G, quận L1, Thành phố Hà Nội, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Uông Thị T1; địa chỉ cư trú: Số 17 Đường L2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

2. Bà Ngô Thị H2, địa chỉ cư trú: D 11, Phòng 501, Khu T, quận B, Thành phố Hà Nội, vắng mặt.

3. Ông Đoàn Anh T2, địa chỉ cư trú: Số 17B Đường L2, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, vắng mặt.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Đ1; địa chỉ: Số 1 đường H3, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Không cử đại diện tham gia phiên tòa.

5. Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị; địa chỉ trụ sở: Số 18 đường H4, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Không cử đại diện tham gia phiên tòa.

- Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Tăng Tr, địa chỉ cư trú: Số 10 đường N, Khu phố 1, Phường 1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Văn K, địa chỉ cư trú: Số 42 đường H4, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là ông Ngô Đình C và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha, mẹ ông Ngô Đình C là cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 sinh được 04 người con là (1) Ngô Đình C, (2) Ngô Lê L, (3) Ngô Thị H2 và (4) Ngô Anh H1. Ngày 12-02-2001, cha, mẹ ông có để lại di chúc với nội dung:

“Cho con trai thứ là Ngô Lê L một phần đất mặt tiền, đường L2, chiều ngang 4,8 m, chiều sâu là 25 m, bên phải giáp nhà ông Q, cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. Cho con trai út là Ngô Anh H1 toàn bộ diện tích còn lại sau khi trừ đi diện tích của cháu L (4,8 m x 25 m), cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất”. Bản di chúc này có chứng thực của Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) Phường 1, thị xã (nay là thành phố) Đ1, tỉnh Quảng Trị.

Sau khi cha, mẹ ông chết. Căn cứ vào bản di chúc này, ông Ngô Anh H1 và ông Ngô Lê L đã làm các thủ tục và được UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BK 873613, mang tên Ngô Lê L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền trên đất số BK873612, mang tên Ngô Anh H1.

“Bản di chúc” nêu trên không đúng quy định của pháp luật, vì vi phạm các nội dung sau:

- Thứ nhất: Tại Điều 28 Nghị định số 31/CP ngày 18-5-1996 của Chính phủ quy định: “*Công chứng viên chứng nhận di chúc của công dân do chính họ yêu cầu, không chứng nhận di chúc thông qua người đại diện*”. Di chúc chỉ thể hiện ý chí của cụ Ngô Ch “*Đã trực tiếp nghe ông Ngô Ch trình bày bằng miệng*”, tức là chỉ thể hiện ý chí của cụ Ch mà không có lời trình bày của cụ Đ2, trong khi di chúc này là di chúc chung của cụ Ch và cụ Đ2.

- Thứ hai: Theo quy định của pháp luật thì di chúc phải có ít nhất 02 người làm chứng. Tại Điều 28 Nghị định số 31/CP ngày 18-5-1996 của Chính phủ quy định: “*Việc Công chứng viên lập di chúc tại chỗ ở của người lập di chúc phải có ít nhất hai người làm chứng*”. Bản di chúc này không có người làm chứng.

- Thứ 3: Cụ Ngô Ch đại diện cho cụ Đỗ Thị Đ2 đưa ra ý chí cho cụ Đ2 trong bản di chúc, được ông Trần Văn K (không phải người làm chứng) chấp nhận. Việc Phó Chủ tịch UBND Phường 1 ủy quyền cho ông Trần Văn K chứng thực chữ ký của cụ Ch, cụ Đ2 và sau đó UBND Phường 1 chứng thực lại chữ ký của ông Trần Văn K là vi phạm pháp luật.

- Thứ 4: Tại Bản di chúc, người chứng thực không xác định năng lực hành vi của người xác lập di chúc, tức là không xác định tình trạng của cụ Ch, cụ Đ2 còn minh mẫn, sáng suốt khi lập di chúc không.

- Thứ 5: Chữ ký trong bản di chúc trên không phải là chữ ký của cụ Ch.

Vì vậy, ông Ngô Đình C đề nghị Tòa án tuyên bố Văn bản công chứng là di chúc của cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 được xác lập ngày 12-02-2001 vô hiệu; đồng thời, đề nghị hủy bỏ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 873613, mang tên Ngô Lê L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 873612, mang tên Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1, khôi phục lại tình trạng ban đầu.

Bị đơn:

Ông Ngô Anh H1 trình bày:

- Về yêu cầu: “Tuyên bố Văn bản công chứng di chúc của cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 được xác lập ngày 12-02-2001 vô hiệu:

Di chúc của cha, mẹ ông là cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 lập ngày 12-02-2001 là di chúc hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 652 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Di chúc này được lập trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép. Nội dung di chúc để lại tài sản cho các con, trong đó để lại cho ông là con út làm nơi thờ cúng nên không trái pháp luật, đạo đức xã hội. Di chúc được thiết lập có người làm chứng, có chứng thực của chính quyền địa phương, có biên bản mở di chúc, nên hình thức không trái pháp luật.

- Về yêu cầu: “Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 873613 mang tên Ngô Lê L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 873612, mang tên Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1:

Ông là con trai út trong gia đình. Khi cha, mẹ ông qua đời có để lại di chúc và nhắn gửi: “*Anh C giờ sinh sống bên Đức. Phần tài sản là đất của cha, mẹ chia cho*

anh trai là anh Ngô Lê L một ít, còn lại là để cho Ngô Anh H1 ở và thờ tự”. Sau khi cha, mẹ ông chết, căn cứ nội dung di chúc nêu trên, ông đề nghị được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền căn cứ vào hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận, đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 873612, mang tên vợ chồng ông đúng theo đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền do pháp luật quy định. Do đó, ông không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Ông Ngô Lê L trình bày:

Ông mong muốn được hòa giải trong gia đình để anh em tự giải quyết. Nếu không thỏa thuận được, đề nghị Tòa án xét xử theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Uông Thị T1 (là vợ của ông Ngô Anh H1) trình bày:

Bà Uông Thị T1 khẳng định di chúc do cha, mẹ chồng bà được lập trong lúc sáng suốt, minh mẫn, có người làm chứng, có chứng thực của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, nên di chúc này là hợp pháp. Bà nhất trí với ý kiến trình bày của ông Ngô Anh H1.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị trình bày:

Cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 có thửa đất tại khu phố 1, Phường 1 (đã được UBND tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số R 716869 ngày 29-01-2001). Ngày 12-02-2001, cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 lập Bản di chúc về việc thừa kế quyền sử dụng đất ở và nhà ở được UBND Phường 1 xác nhận. Theo bản di chúc, ông Ngô Lê L (con trai thứ của cụ Ch và cụ Đ2) được thừa kế một phần đất mặt tiền đường L2, có chiều ngang 4,8 m và chiều sâu 25 m, bên phải đất ông Q và ông Ngô Anh H1 (con trai út của ông Ngô Ch và bà Đỗ Thị Đ2) thừa kế phần còn lại sau khi trừ đi diện tích của ông Ngô Lê L. Ngày 15-3-2012, ông Ngô Lê L và ông Ngô Anh H1 tiến hành mở di chúc tại UBND Phường 1. Ngày 05-3-2013, UBND thành phố Đ1 đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 873613, với diện tích 124,0 m² đất đô thị cho ông Ngô Lê L và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK 873612, với diện tích 459 m² (trong đó: 433 m² đất ở đô thị và 26 m² đất trồng cây lâu năm khác) cho ông Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1. Phần diện tích tăng thêm 26 m² đất trồng cây hàng năm khác là do trong quá trình sử dụng đất của gia đình ông Hùng có biến động và đã được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Đ1 đo đạc, chỉnh lý bản đồ địa chính thừa đất ngày 24-01-2013. Như vậy, việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ngô Lê L, ông Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1 là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Người làm chứng:

1. Ông Trần Văn K trình bày:

Năm 2001, cụ Ngô Ch đến UBND Phường 1 xin làm Di chúc. Tại thời điểm này, ông Nguyễn Tăng Tr là Chủ tịch UBND phường cử ông (là cán bộ Tư pháp) đi làm di chúc. Ông đã hẹn buổi chiều và buổi chiều khi ông đến nhà cụ Ch, thì có đầy đủ cụ Ch và cụ Đ2. Cụ Ngô Ch đã trình bày, còn ông chấp bút theo lời trình bày của cụ Ch, sau đó cụ Ch đọc lại và ký tên trước mặt ông, còn cụ Đ2 xin điểm chỉ vào di

chúc. Ông khẳng định bản Di chúc này là có thật và chịu trách nhiệm về lời khai của mình.

2. Ông Nguyễn Tăng Tr trình bày:

Liên quan đến di chúc thừa kế tài sản của cụ Ngô Ch, ông không rõ nội dung, vì quyền định đoạt trong di chúc là quyết định của gia đình. Ông chỉ cử ông Trần Văn K là cán bộ Tư pháp phường về trực tiếp làm thủ tục xác lập di chúc theo đề nghị của cụ Ch. Ông khẳng định chữ ký trong bản di chúc này là chữ ký của ông Trần Văn K.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Ngô Đình C rút yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị cấp cho ông Ngô Lê L.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 10-5-2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị:

Căn cứ khoản 3 Điều 35, khoản 11 Điều 26, điểm c khoản 1 Điều 34, khoản 1 Điều 147, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 653, các Điều 655, 657, 661 và 664 của Bộ luật Dân sự năm 1995; khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Đình C về việc yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng là di chúc vô hiệu; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 873612, mang tên Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1.

- Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 8736123 mang tên Ngô Lê L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 23-5-2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1]. Ngày 23-5-2018, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm. Tại phiên tòa, người kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo. Như vậy, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tạm ngừng phiên tòa để đợi kết quả ủy thác thu thập chứng cứ là các mẫu chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 để giám định cùng với chữ viết, chữ ký và dấu vân tay của người để lại di chúc, từ đó mới có căn cứ để giải quyết vụ án.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, các đương sự đều đề nghị giám định Bản di chúc ngày 12-02-2001 của cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2. Bị đơn là ông Ngô Anh H1 cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm bản gốc **Di chúc số 2** DCUB2001 ngày 12-02-2001 về việc Thừa kế quyền sử dụng đất ở và nhà ở; đồng thời, theo đề nghị của đương sự, Tòa án cấp phúc thẩm yêu cầu và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Quảng Trị - Chi nhánh thành phố Đ1 cung cấp **Di chúc số 02** DCUB2001 ngày 12-02-2001 về việc Thừa kế quyền sử dụng đất ở và nhà ở và tiến hành giám định chữ viết, chữ ký của những người có tên tại 02 bản di chúc. Tại Kết luận giám định số 1293/C09C(Đ6) ngày 06-02-2020, Phân viện Khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận: *“1) Chữ ký mang tên Trần Văn K dưới mục “Người xác lập di chúc” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) là do cùng một người ký ra. 2) Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Ngô Ch dưới mục “Người có tài sản thừa kế” trên 02 (hai) tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) là có phải do cùng một người ký ra hay không”*.

Nội dung tại 02 bản di chúc (nêu trên) như nhau, đều thể hiện ý chí tự nguyện trong lúc tình trạng sức khỏe và tinh thần minh mẫn, nhưng để giải quyết vụ án một cách khách quan, toàn diện, Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục thu thập chứng cứ là chữ ký, chữ viết của ông Ngô Ch và dấu vân tay của bà Đỗ Thị Đ2 tại Công an tỉnh Quảng Trị, nhưng đến nay vẫn chưa có kết quả. Theo quy định tại khoản 5 Điều 105 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành xét xử vụ án. Vì vậy, việc tạm ngừng phiên tòa để đợi kết quả ủy thác tư pháp sẽ kéo dài thời gian giải quyết vụ án, nên không cần thiết.

[2]. Xét kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án, do đó Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các vấn đề:

[2.1]. Về tố tụng :

- Ông Ngô Đình C định cư ở nước ngoài, khởi kiện yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng là “Di chúc số 2 DCUB2001 ngày 12-02-2001 về việc thừa kế quyền sử dụng đất ở và nhà ở” vô hiệu và yêu cầu hủy “Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BK 873612, số vào sổ cấp GCN: CH02738 ngày 05-3-2013, do UBND thành phố Đ1 cấp cho ông Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, diện tích 459 m² tại Khu phố 1, Phường 1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị”, sau đó ủy quyền cho Luật sư Trần Đức A tham gia tố tụng. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý, giải quyết là đúng quy định tại khoản 11 Điều 26, Điều 34, khoản 3 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Ngô Thị H2 và Ủy ban nhân dân Phường 1, thành phố Đ1

đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Về tính hợp pháp của di chúc:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cho rằng Di chúc số 2 DCUB2001 ngày 12-02-2001 (có xác nhận của UBND Phường 1, thành phố Đ1) của cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 không đúng quy định của pháp luật, vì di chúc chỉ thể hiện ý chí của cụ Ngô Ch, mà không thể hiện ý chí của cụ Đỗ Thị Đ2.

Nội dung Di chúc số 2 DCUB2001 ngày 12-02-2001 về việc Thừa kế quyền sử dụng đất ở và nhà ở, có xác nhận của UBND Phường 1, thành phố Đ1 (bút lục số 26), thể hiện: “... Ông Ngô Ch trình bày rằng: Năm 1975, vợ chồng tôi được Nhà nước cấp một lô đất tại đường L2, có Quyết định số 0460 QSDĐ 157 QĐ/UB. Trên đám đất đó tôi có tạo lập nhà ở và các công trình phụ kèm theo. Nay do điều kiện tuổi đã cao, sức khỏe giảm sút. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các con tôi sau này, vợ chồng tôi quyết định kể từ ngày hôm nay. 1) Cho con trai thứ Ngô Lê L một phần đất mặt tiền đường L2, chiều ngang là 4,8 m, chiều sâu là 25 m, bên phải giáp nhà ông Q cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất. 2) Cho con trai út là Ngô Anh H1 toàn bộ diện tích còn lại sau khi trừ đi diện tích của cháu Lợi (4,8 m x 25 m) cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất...”.

Tại điểm a, b khoản 1 Điều 655 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định: “a. Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;

b. Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật”; Điều 664 của Bộ luật Dân sự năm 1995 quy định: “1. Người lập di chúc có thể yêu cầu Công chứng viên tới chỗ ở của mình để lập di chúc.

2. Thủ tục lập di chúc tại chỗ ở được tiến hành như thủ tục lập di chúc tại Công chứng Nhà nước theo quy định tại Điều 661 của Bộ luật Dân sự”.

Tại khoản 2 Điều 661 của Bộ luật dân sự năm 1995 quy định: “Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được, thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân, xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng”.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đối chiếu các quy định của pháp luật (đã nêu trên), có cơ sở để khẳng định: Tại thời điểm lập di chúc, ông Ngô Ch và bà Đỗ Thị Đ2 đều trong tình trạng minh mẫn, sáng suốt; không bị lừa dối, đe dọa hoặc bị cưỡng ép, cụ thể: trong di chúc ghi rõ “*Trước mặt cán bộ chính quyền, tôi xin xác nhận rằng những lời trình bày trên của tôi được phát ra trong lúc tình trạng sức khỏe và tinh thần hoàn toàn minh mẫn và sáng suốt*”; tại

phần cuối bản di chúc có ghi “*Di chúc này được lập xong lúc 16 giờ cùng ngày, đã đọc lại cho mọi người nghe công nhận đúng và cùng ký tên dưới đây*” và bản di chúc này có chữ ký của cụ Ngô Ch, có điểm chỉ của cụ Đỗ Thị Đ2, có chữ ký của người xác lập di chúc là ông Nguyễn Văn Khôi và có xác nhận chữ ký của Chủ tịch UBND Phường 1, thị xã Đ1 là ông Nguyễn Tăng Khôi.

Tại văn bản trình bày ý kiến, ông Trần Văn K (được cụ Ngô Ch nhờ xác lập di chúc) khẳng định: Việc lập di chúc là ý chí tự nguyện của cụ Ngô Ch, cụ Đỗ Thị Đ2 và tại Bản trình bày ý kiến ngày 13-3-2018, ông Nguyễn Tăng Tr (nguyên Chủ tịch UBND Phường 1, thị xã Đ1, tỉnh Quảng Trị) xác nhận: Tại thời điểm xác lập di chúc, ông Trần Văn K là cán bộ Tư pháp của phường, là người trực tiếp làm thủ tục xác lập di chúc theo phần hành được phân công.

Như vậy, ngày 12-02-2001, cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 hoàn toàn tự nguyện khi lập Bản di chúc về việc thừa kế quyền sử dụng đất ở và nhà ở. Nội dung của di chúc thể hiện đúng ý chí, nguyện vọng của hai cụ theo điều kiện của mỗi người con. Cụ Đỗ Thị Đ2 không đọc được, nên đã nhờ ông Trần Văn K (người xác lập di chúc) đọc lại và tự nguyện điểm chỉ. Hình thức của di chúc đúng quy định của pháp luật, có người làm chứng và có xác nhận chữ ký của người xác lập di chúc. Do đó, có cơ sở khẳng định di chúc do cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 xác lập ngày 12-02-2001 là đúng quy định của pháp luật. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận “Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Đình C về yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng là di chúc vô hiệu” là có căn cứ.

[2.2.2]. Về yêu cầu giám định lại chữ ký của ông Ngô Ch và xác định dấu điểm chỉ vân tay của bà Đỗ Thị Đ2:

Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị giám định mẫu chữ ký của cụ Ngô Ch trên Bản di chúc ngày 12-02-2001, với các mẫu chữ ký, chữ viết khác của cụ Ngô Ch và yêu cầu thu thập dấu vân tay của cụ Đỗ Thị Đ2 đang lưu trữ tại Tầng thư căn cước công dân tại Công an tỉnh Quảng Trị để so sánh với dấu vân tay điểm chỉ của cụ Đỗ Thị Đ2 tại Bản di chúc ngày 12-02-2001. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án tại giai đoạn sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm đã thu thập các mẫu chữ ký của cụ Ngô Ch trong đơn xin cấp đất, sau đó tiến hành các thủ tục trưng cầu giám định tại Phòng Kỹ thuật khoa học hình sự thuộc Công an tỉnh Quảng Trị, nhưng không đủ cơ sở để kết luận; đồng thời, tại các văn bản trình bày ý kiến, ông Nguyễn Tăng Khôi (là người xác lập di chúc) đều khẳng định chữ ký của cụ Ngô Ch và dấu vân tay điểm chỉ của cụ Đỗ Thị Đ2 được ký và điểm chỉ trước mặt người xác lập di chúc. Do đó, yêu cầu tiếp tục giám định chữ ký của cụ Ngô Ch và thu thập dấu vân tay của cụ Đỗ Thị Đ2 của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là không cần thiết.

[2.2.3]. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 873612, mang tên Ngô Anh H1 và bà Ưông Thị T1:

Sau khi cụ Ngô Ch và cụ Đỗ Thị Đ2 chết. Ngày 15-01-2013, ông Ngô Lê L và ông Ngô Anh H1 tiến hành mở di chúc tại UBND Phường 1, thành phố Đ1, có sự chứng kiến của ông Phạm Văn B (Chủ tịch UBND phường) và ông Nguyễn Khoa

H4 (Cán bộ Tư pháp phường). Căn cứ vào Bản di chúc được xác lập hợp pháp như đã nêu trên, ông Ngô Anh H1 tiến hành các thủ tục xin tách thửa đất theo di chúc của cha, mẹ và được UBND thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 873612 ngày 05-3-2013 đối với thửa đất số 19, tờ bản đồ số 14, với diện tích 490,0 m² (trong đó, đất ở đô thị 433,0 m², đất trồng cây HNK 26,0 m²), tại Khu phố 1, Phường 1, thành phố Đ1, tỉnh Quảng Trị. Như vậy, UBND thành phố Đ1 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho ông Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1 đã thực hiện đúng quy định tại khoản 4 Điều 49 và Điều 52 của Luật Đất đai năm 2003. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị không chấp nhận: “Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 873612, mang tên Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1” là đúng pháp luật.

[2.2.4]. Về yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BK 873613, mang tên ông Ngô Lê L:

Tại “Đơn khởi kiện” ngày 08-9-2017 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Ngô Đình C yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 873613 mang tên ông Ngô Lê L. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu và Tòa án cấp sơ thẩm đã đình chỉ khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu này. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

Như vậy, kháng cáo toàn bộ bản án của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, nhưng không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Ngô Đình C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì vác lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Không chấp nhận kháng cáo của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 10-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

2. Căn cứ khoản 11 Điều 26, khoản 1 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 653, Điều 655, Điều 657, Điều 661 và Điều 664 của Bộ luật Dân sự năm 1995; các Điều 609, 624, 625, 626 và 627 của Bộ luật Dân sự năm 2015; xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Ngô Đình C về “Yêu cầu tuyên bố Văn bản công chứng là di chúc vô hiệu và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 873612 mang tên Ngô Anh H1 và bà Uông Thị T1”.

3. Các quyết định khác được thực hiện theo Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2018/DSST ngày 10-5-2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Ông Ngô Đình C phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000544 ngày 05-6-2018 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị, nay được chuyển thành án phí; ông Ngô Đình C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường